TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/DS - ST
Ngày: 12 - 6 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Mỹ

2. Ông Trần Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Đỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, đối với vụ án thụ lý số: 11/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) K

Trụ sở: Số 40 - 42 - 44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: **Ông Trần Ngọc M** – Chức vụ: Tổng giám đốc ngân hàng TMCP K.

Người đại diện theo uỷ quyền: **Ông Lê Trung V** – Chức vụ: Giám đốc văn phòng đại diện Ngân hàng TMCP K tại thành phố Hồ Chí Minh (Theo Quyết định số 68/QĐ-CT.HĐQT ngày 09/7/2024)

Người nhận uỷ quyền lại: **Ông Bạch Văn H**, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ thẻ và tài chính vi mô – Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. (Theo Quyết định số 3157/QĐ-NHKL ngày 19/11/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lục Thùy G, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 151 đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/10/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K trình bày:

Ngày 06/6/2019 ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch H đã ký kết với bà Lục Thùy G Hợp đồng tín dụng số: 852/19/HĐTD/1012-3551; số tiền vay 500.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đời sống; thời hạn vay 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; ngày giải ngân là ngày 07/6/2019; lãi suất vay 12,2%/tháng, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng một lần theo quy định của ngân hàng K; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất lãi chậm trả 10%/năm; kỳ hạn trả lãi vay 01 tháng/ lần; kỳ hạn trả gốc 06 tháng/ lần; số lần trả nợ gốc là 10 kỳ.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số: 852/19/HĐTC-MMTB/1012-3551 ngày 06/6/2019. Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026045 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/6/2019; nhãn hiệu Mazda; số loại 315G; số máy P520570183; số khung 4AA6KM004901; màu sơn trắng; biển số đăng ký 68A-131.78 do bà Lục Thùy G đứng tên. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cục đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm ngày 06/6/2019.

Do bà G không thực hiện đúng theo cam kết trả nợ đã giao kết tại hợp đồng nên hiện tại khoản vay đã quá hạn thanh toán; tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/6/2025) bà G còn nợ ngân hàng các khoản sau: nợ gốc 380.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 119.975.478 đồng; nợ lãi quá hạn 167.168.933 đồng; lãi chậm trả lãi 54.779.617 đồng; tổng cộng là 721.924.028 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà G phải trả số nợ gốc và lãi tạm tính nêu trên; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng, theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay nêu trên thì thực tế ngân hàng không thu giữ tài sản của khách hàng mà chỉ lập hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ; tuy nhiên do hiện nay không liên lạc được với bà G và không nắm giữ thông tin về tài sản này, nên ngân hàng không khởi kiện yêu cầu việc xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn bà Lục Thùy G: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán số nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bao gồm: nợ gốc 380.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 119.975.478 đồng; nợ lãi quá hạn 167.168.933 đồng; lãi chậm trả lãi 54.779.617 đồng; tổng cộng là 721.924.028 đồng và lãi phát sinh đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Đồng thời buộc bị đơn chịu án phí có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngân hàng TMCP K tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Lục Thùy G, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lục Thùy G là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên G nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Bạch Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn bà Lục Thùy G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] *Về nghĩa vụ chứng minh của bị đơn:* Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay bị đơn không có mặt theo thông báo của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như xác định trách nhiệm của mình đối với khoản vay nguyên đơn yêu cầu trả hoặc có ý kiến phản đối lời trình bày của nguyên đơn và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết. Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự thì *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Như vậy, bị đơn đã không tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về Hợp đồng tín dụng:*

Giữa ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch H và bà Lục Thùy G đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 852/19/HĐTD/1012-3551 ngày 06/6/2019 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 07/6/2019 với số tiền vay 500.000.000 đồng; mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đời sống; thời hạn vay từ ngày 08/6/2019 đến ngày 07/6/2024. Kỳ hạn trả lãi vay 01 tháng/lần; kỳ hạn trả gốc 06 tháng/lần; số lần trả nợ gốc là 10 kỳ, trong đó từ kỳ 01 đến kỳ 09 số tiền gốc phải trả mỗi kỳ là 40.000.000 đồng, kỳ 10 số tiền gốc phải trả là 140.000.000 đồng.

Xét thấy hợp đồng tín dụng nên trên đã được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định, nội dung thỏa thuận không trái quy định pháp luật; do đó, căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng nêu trên giữa ngân hàng TMCP K và bà G là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn, nhưng bà G chỉ thanh toán được nợ gốc với tổng số tiền là 120.000.000 đồng; như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 12 của hợp đồng tín dụng mà hai bên giao kết; cụ thể là vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc đến hạn, nợ lãi trong hạn, lãi phạt và nợ lãi quá hạn.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và căn cứ vào hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết; xét thấy buộc bà G phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ vay gốc, lãi trên nợ gốc trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả cho ngân hàng là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà G có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số nợ vay gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/6/2025), bao gồm các khoản: nợ gốc 380.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 119.975.478 đồng, nợ lãi quá hạn 167.168.933 đồng, lãi chậm trả lãi 54.779.617 đồng, tổng cộng là 721.924.028 đồng; đồng thời buộc bị đơn bà G phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ cho ngân hàng.

[4] Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số: 852/19/HĐTC-MMTB/1012-3551 ngày 06/6/2019. Theo hợp đồng thể hiện tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay là xe ô tô theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 026045 do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/6/2019; nhãn hiệu Mazda; số loại 315G; số máy P520570183; số khung 4AA6KM004901; màu sơn trắng; biển số đăng ký 68A-131.78 do bà Lục Thùy G đứng tên. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Cuc đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm ngày 06/6/2019.

Tuy nhiên, thực tế ngân hàng không thu giữ tài sản thế chấp của khách hàng và có lập Biên bản xác nhận ngày 28/12/2022 có sự chứng kiến của chính quyền địa phương. Nguyên đơn ngân hàng TMCP K cũng không khởi kiện yêu cầu việc xử lý tài sản thế chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Bị đơn bà G phải chịu án phí trên số tiền bị buộc trả 721.924.028 đồng; án phí được xác định là 32.876.961 đồng (20.000.000 đồng + 321.924.028 đồng x 4%).

Nguyên đơn ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.846.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007957 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 266, khoản 1 Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Lục Thùy G.

2. Buộc bà Lục Thùy G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (12/6/2025), bao gồm các khoản: nợ gốc 380.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 119.975.478 đồng, nợ lãi quá hạn 167.168.933 đồng, lãi chậm trả lãi 54.779.617 đồng, tổng cộng là 721.924.028 đồng (bảy trăm hai mươi mốt triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn không trăm hai mươi tám đồng). Đồng thời bà Lục Thùy G phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Lục Thùy G phải chịu án phí là 32.876.961 đồng (ba mươi hai triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.846.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn) theo biên lai thu tiền số 0007957 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm

2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Hồng Thắm

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Rạch Giá;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Rạch Giá;
- Lưu.